

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P,
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/HS-ST

Ngày: 18/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Nữ Kiều Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Hòa

Bà Nguyễn Thị Viết Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Ông Giang Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2022/HSST ngày 23 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

TRẦN QUANG P (tên gọi khác: Tư), sinh ngày 18 tháng 12 năm 1993, tại tỉnh Bình Thuận. HKTT: khu phố 7, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: thợ sửa xe máy; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Quang T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1971 cùng cư trú tại khu phố 7, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; Vợ con: chưa có. Tiền án: không; tiền sự: không. Nhân thân: không.

Bị cáo đang tại ngoại tại địa phương và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

- Người bị hại: ông Dương Văn H, sinh năm 1973. Nơi cư trú: khu phố C, phường Thanh Hải, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Ông **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1985. Nơi cư trú: khu phố 4, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

+ Ông **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1996. Nơi cư trú: khu phố 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 15 phút ngày 24/7/2021, Trần Quang P đi bộ từ cầu Dục Thanh đến trước khách sạn Cà Ty thuộc khu phố 4, phường Đ, thành phố P thì gặp ông Dương Văn H là bảo vệ khách sạn Cà Ty. Do có quen biết từ trước nên P hỏi mượn của ông H 01 xe mô tô hiệu Halim-Krea, biển số 86AE-008.86, bên trong cốp xe có 01 Giấy chứng nhận đăng ký số 025754 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 12/01/2017 mang tên Dương Thị M (sinh năm 1954, trú tại khu phố 5, phường L, thành phố P) để đi công việc thì ông H đồng ý. Sau khi điều khiển xe mô tô nói trên đi mua đồ tại đường Nguyễn Hội, phường T, thành phố P, do cần tiền trả nợ và tiêu xài, P nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nên không trả xe cho ông H mà điều khiển xe đi đến tiệm điện tử (không rõ tên) thuộc phường Xuân An để chơi và cất giữ xe ở đây qua đêm. Đến khoảng 15 giờ ngày 25/7/2021, P điều khiển xe mô tô trên đến tiệm cầm đồ Thái N thuộc khu phố 4, phường P, thành phố P cầm thế cho chủ tiệm là Nguyễn Anh T. Khi giao dịch với anh T, P đưa cho anh T 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 86AE-008.86 mang tên Dương Thị M lấy được trong cốp xe và nói xe mô tô trên của cô của P do cần tiền nên cầm thế vài ngày thì anh T đồng ý cầm với số tiền 3.000.000 đồng, sau đó P sử dụng số tiền này tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 19 giờ ngày 26/7/2021, P tiếp tục liên hệ với Huỳnh Văn L nói cần tiền nên bán xe của gia đình với giá 5.300.000 đồng thì L đồng ý. L và P cùng đến tiệm cầm đồ Thái N, tại đây L đưa cho P số tiền 5.300.000 đồng, P lấy 3.000.000 đồng chuộc lại xe cầm thế từ Nguyễn Anh T rồi giao xe mô tô cùng giấy đăng ký xe mang tên Dương Thị M cho L, số tiền còn lại sau khi chuộc xe là 2.300.000 đồng P tiêu xài cá nhân hết. Quá trình giao dịch cầm thế và mua bán xe, T và L không biết xe mô tô biển số 86AE-008.86 là tài sản do P phạm tội mà có.

Đến ngày 26/7/2021, do không thấy P trả lại xe mô tô, ông H đã đến Công an phường Đ trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận nguồn tin, cơ quan Công an đã triệu tập P làm việc. Tại đây, P đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Cơ quan Công an đã thu giữ từ Huỳnh Văn L:

- 01 xe mô tô hiệu Halim-Krea, biển số 86AE-008.86, màu sơn đen, số máy MBL1SE103373, số khung B6UMEA003373.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 025754, biển số 86AE-008.86 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 12/01/2017 mang tên Dương Thị M (sinh năm 1954, trú tại khu phố 5, phường L, thành phố P).

Tại Kết luận định giá tài sản số 246/KL-HĐĐG của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố P kết luận: 01 xe mô tô hiệu Halim - Krea, biển số 86AE-008.86 có giá trị là 9.600.000 đồng.

Xử lý vật chứng và dân sự: Đối với 01 xe mô tô hiệu Halim - Krea biển số 86AE - 008.86 quá trình điều tra xác định do bà Dương Thị M đứng tên chủ sở hữu, đến cuối năm 2020 bà Mai đã tặng cho chiếc xe mô tô trên cho em ruột là ông Dương Văn H. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố P đã trả lại tài sản trên cho ông H. Sau khi nhận xe, ông H không yêu cầu về dân sự đối với Trần Quang P.

Ngày 06/5/2022, Trần Quang P trả lại số tiền 5.300.000 đồng cho Huỳnh Văn L, anh Lượm không yêu cầu về dân sự đối với P.

Tại bản Cáo trạng số 81/CT-VKSPT-HS ngày 22/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo Trần Quang P về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Trần Quang P từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu về dân sự nên không xem xét. Biện pháp tư pháp: không.

Đối với Nguyễn Văn T và Huỳnh Văn L không biết tài sản trên là do P phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Quang P xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng, đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên không tranh luận gì. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, theo hồ sơ đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này có người làm chứng Nguyễn Văn T và Huỳnh Văn L vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Người bị hại Dương Văn H vắng mặt tại phiên tòa

nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt những người trên. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án, mặt khác những người này đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ buộc tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố là đúng, không oan. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 22 giờ 15 phút ngày 24/7/2021, tại trước khách sạn Cà Ty thuộc khu phố 4, phường Đ, thành phố P, Trần Quang P đã có hành vi mượn 01 chiếc xe mô tô hiệu Halim-Krea biển số 86AA-008.86, trị giá 9.600.000 đồng của ông Dương Văn H để đi công việc. Sau đó, do cần tiền trả nợ và tiêu xài, P đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe nêu trên nên khoảng 15 giờ ngày 25/7/2021, P mang xe mô tô đến tiệm cầm đồ Thái N thuộc khu phố 4, phường P, thành phố P cầm thế cho anh Nguyễn Anh T được 3.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 26/7/2021, P tiếp tục chuộc xe và bán cho anh Huỳnh Văn L với giá 5.300.000 đồng, trong đó 3.000.000 đồng trả tiền cầm thế xe còn 2.300.000 đồng P tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi bị cáo P thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Do đó, Bản cáo trạng số 81/CT-VKSPT-HS, ngày 22/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo ra trước Tòa hôm nay về hành vi “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa tội phạm chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện trả lại cho ông Huỳnh Văn L 5.300.000 đồng, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại và bị

hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xem xét áp dụng điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Phan Thiết đã xử lý vật chứng, trả lại tài sản cho ông H 01 chiếc xe mô tô và Giấy đăng ký xe mô tô. Việc xử lý như trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Người bị hại H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 5.300.000 đồng mà ông Huỳnh Văn L đã mua xe mô tô từ bị cáo P, vào ngày 06/5/2022 bị cáo đã trả lại tiền cho ông L, ông L không yêu cầu về dân sự đối với bị cáo P nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Anh T và Huỳnh Văn L, quá trình điều tra xác định T, L khi giao dịch cầm thế, mua bán xe với P do P nói nguồn gốc là xe của người trong gia đình nên T, L không biết đó là tài sản do P phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố P không xử lý về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có cơ sở.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Quang P** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Trần Quang P **06** (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Trần Quang P phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm hình sự.

3. Quyền kháng cáo của bị cáo có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/7/2022). Quyền kháng cáo của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP P;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an TP P;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu: hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Nữ Kiều Mỹ

